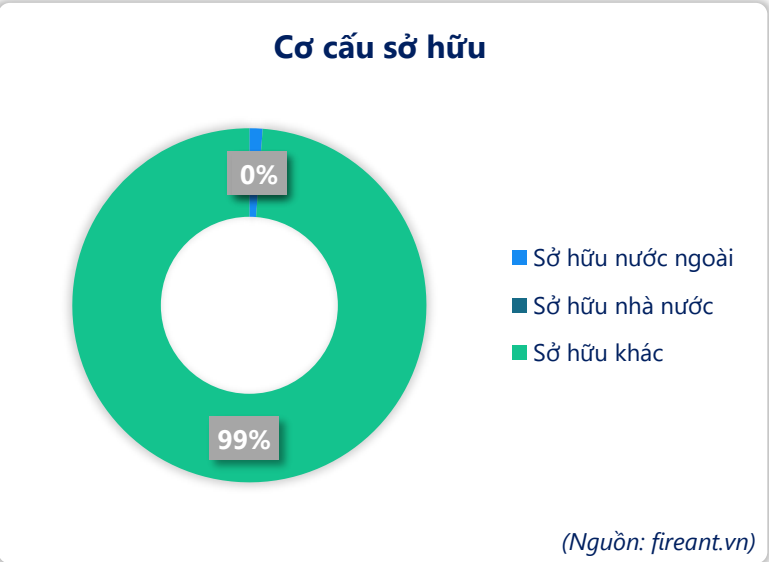
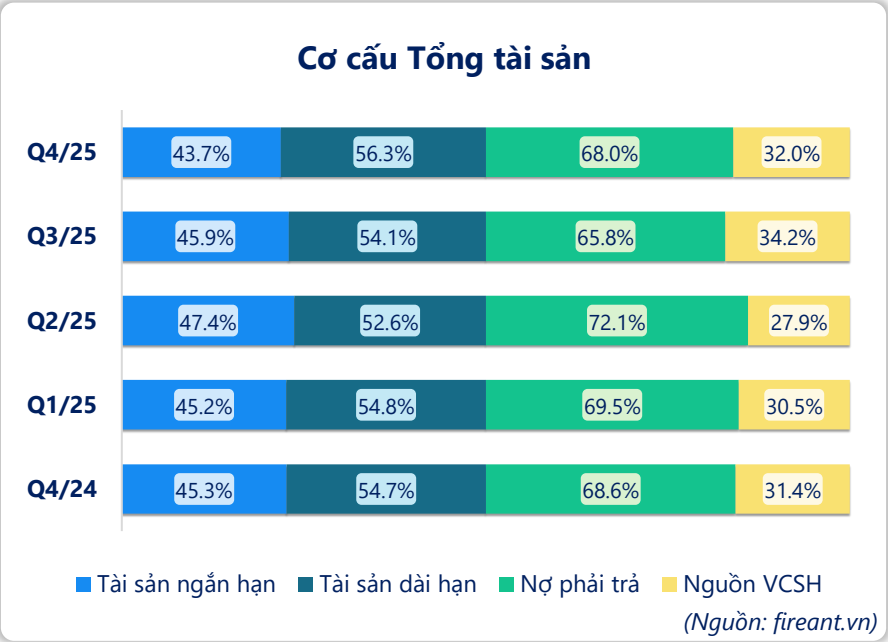
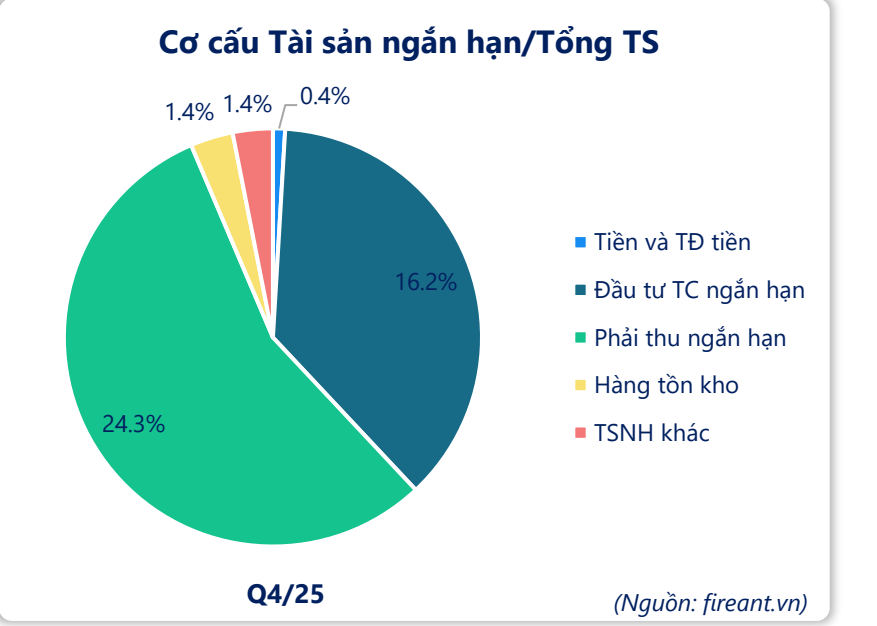
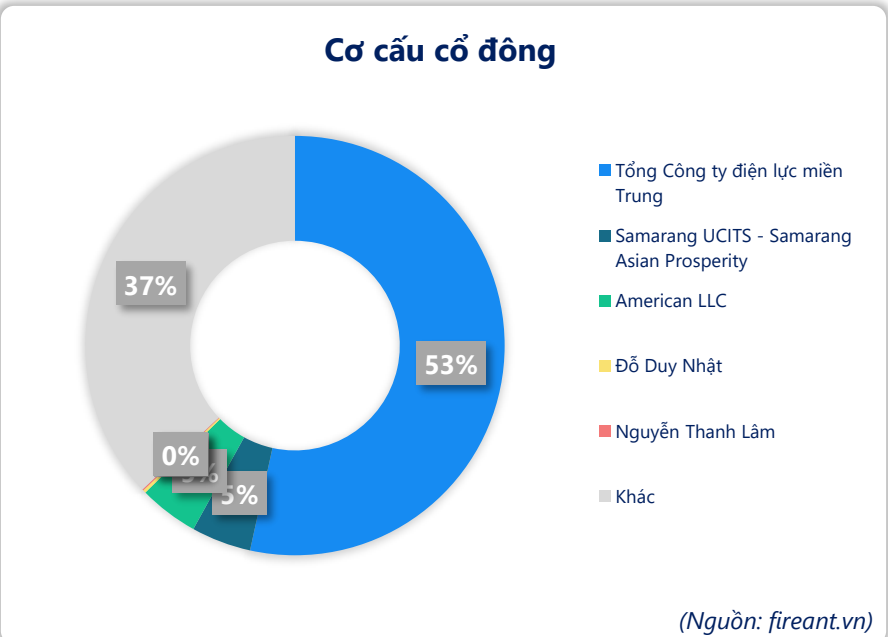
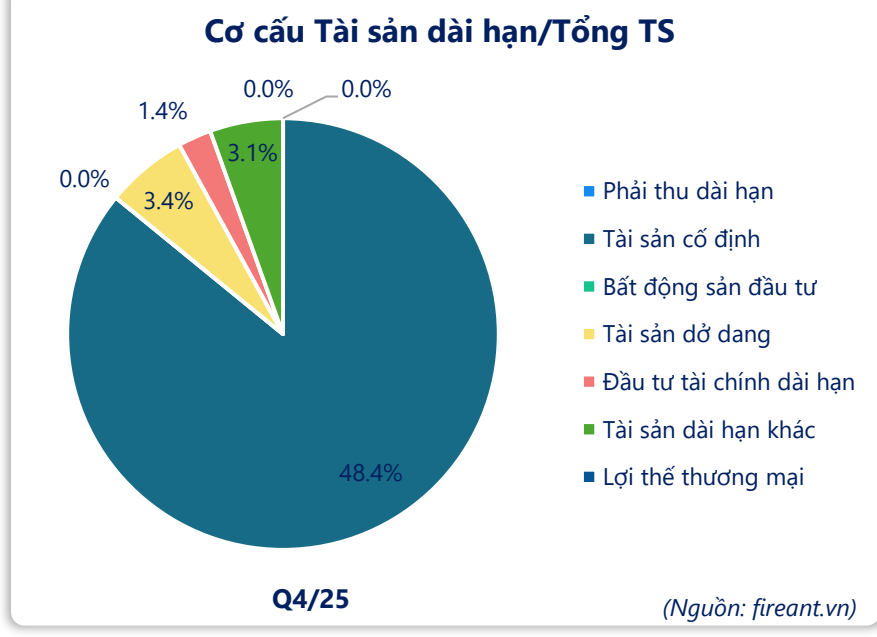
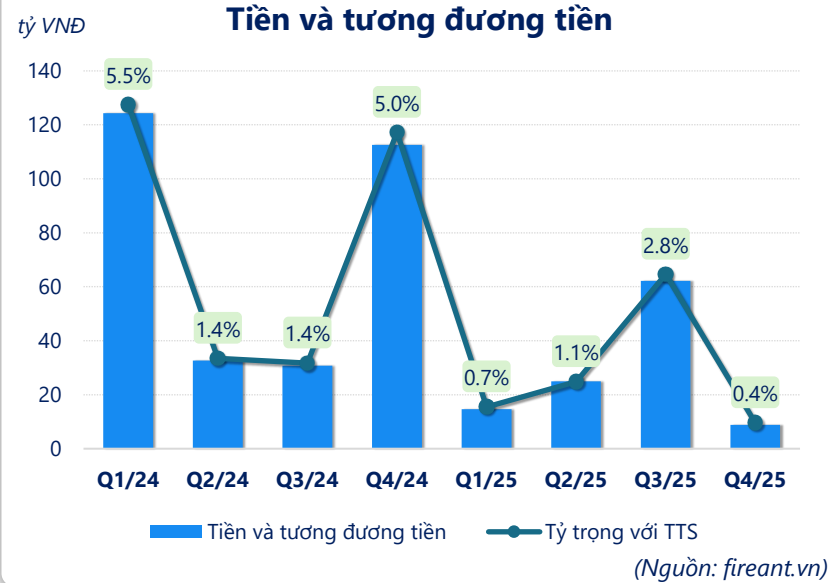
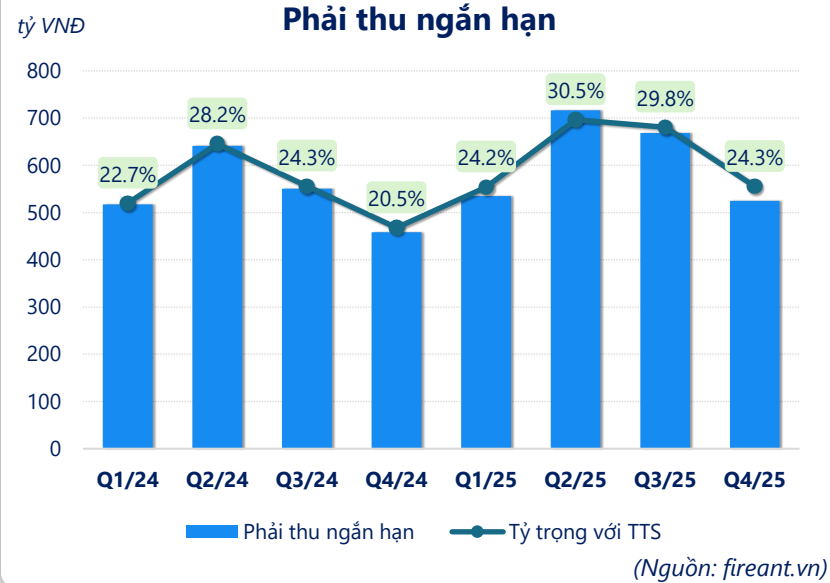
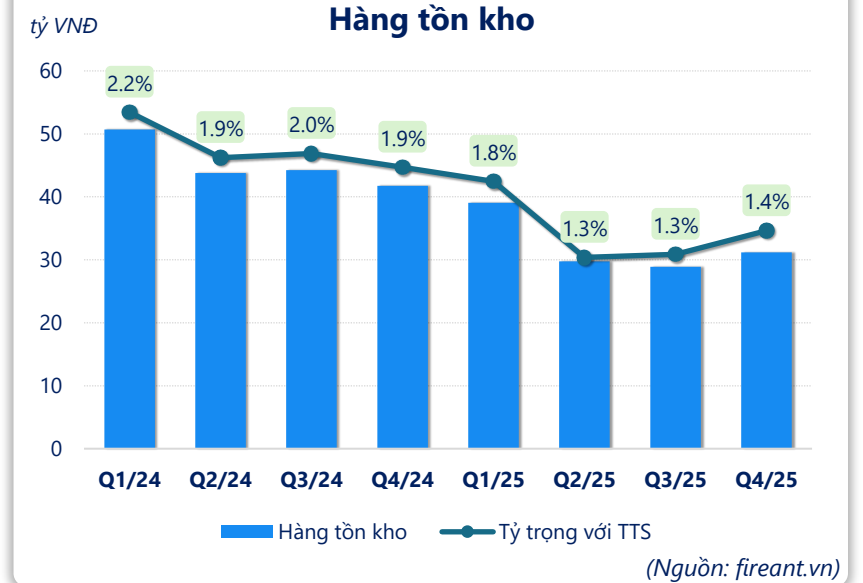
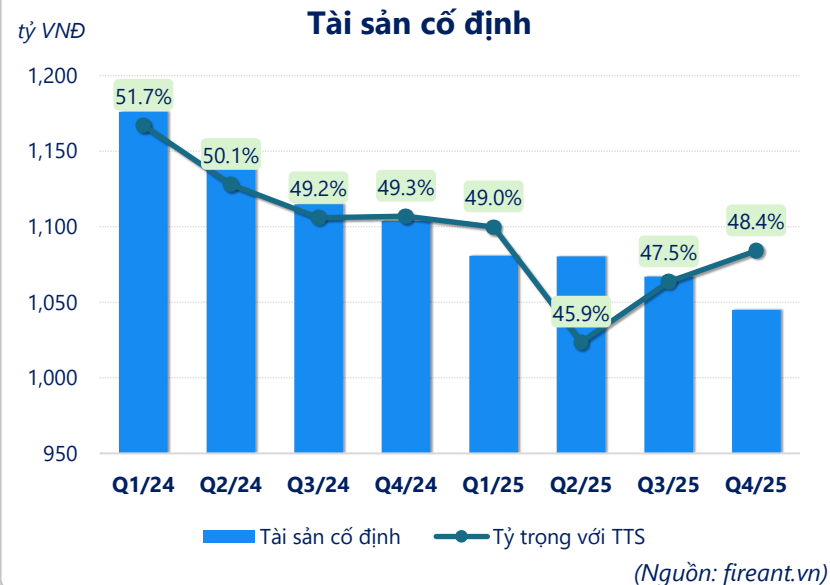
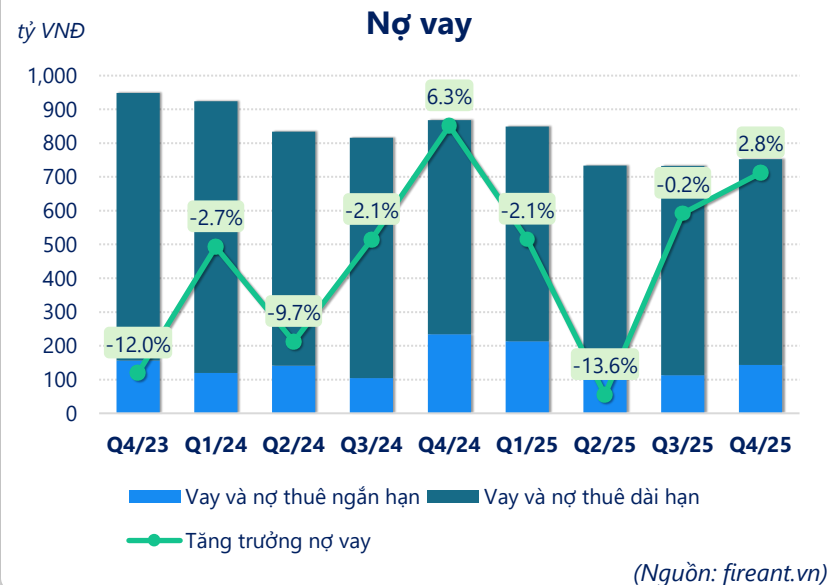
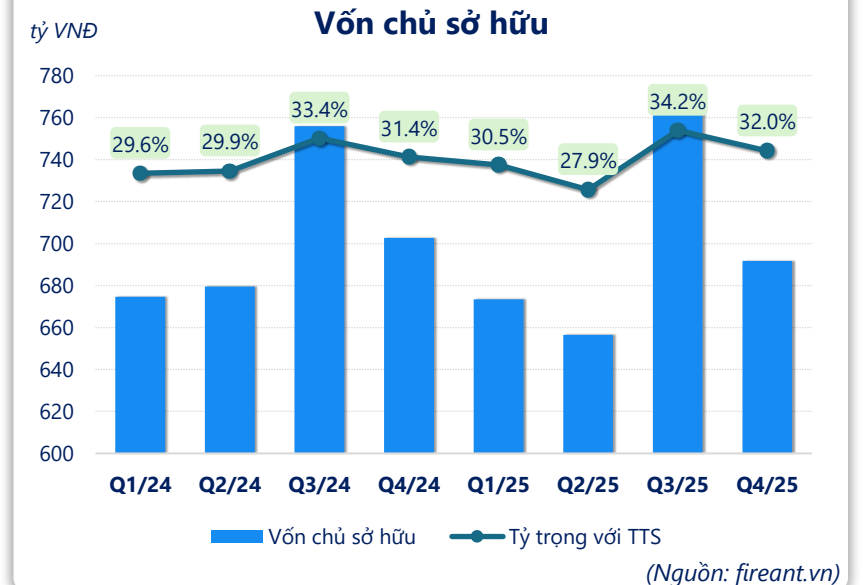
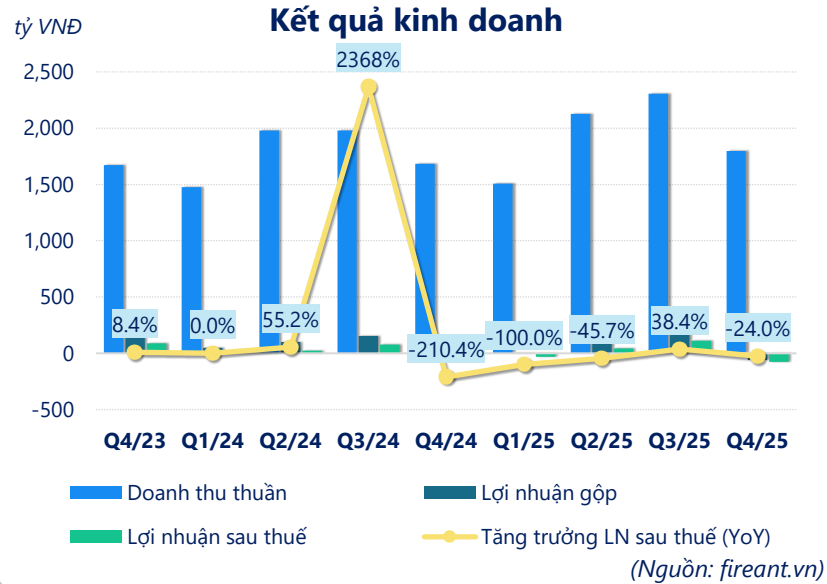
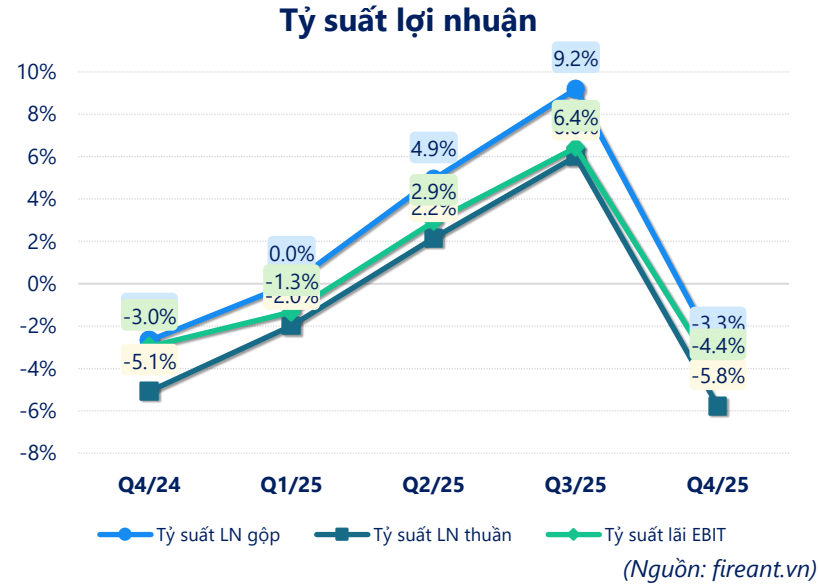
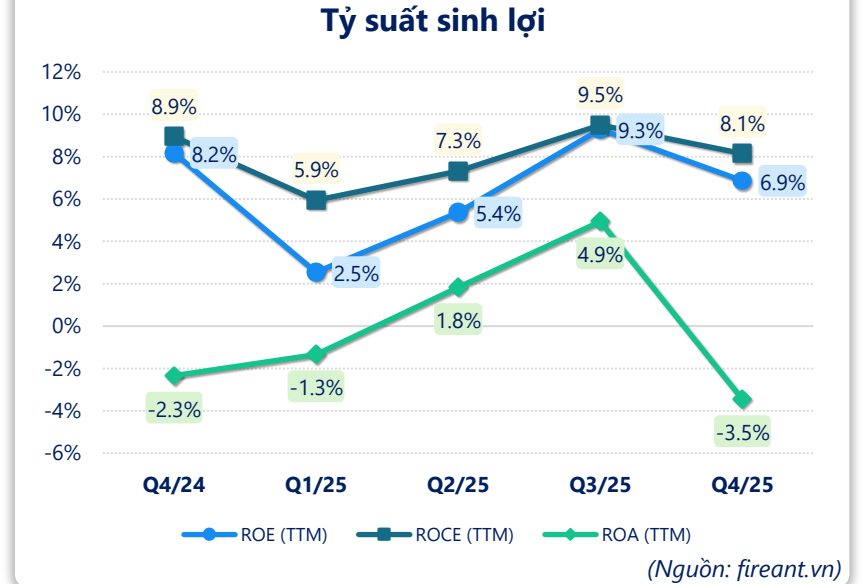
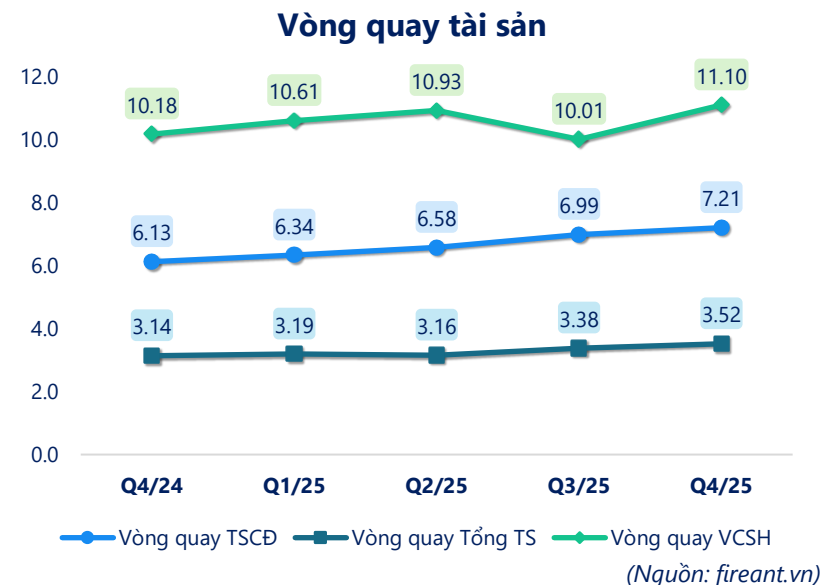
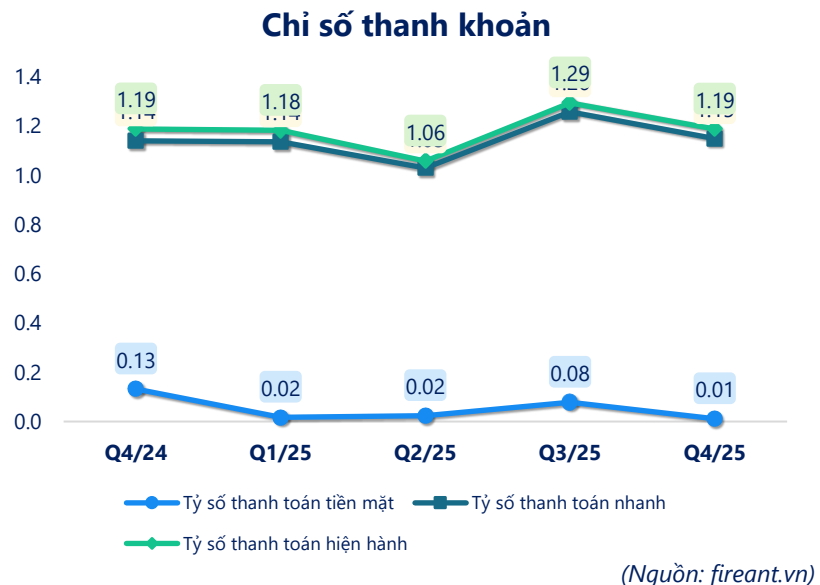
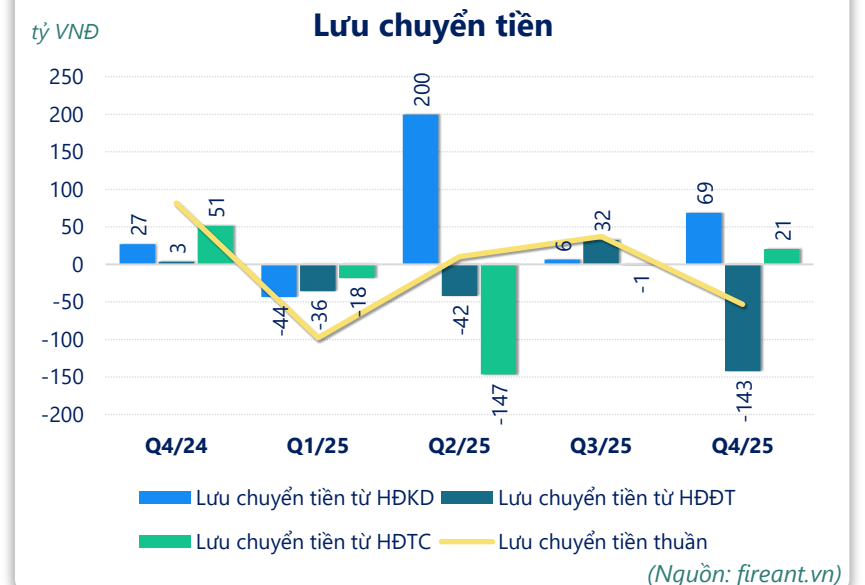


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		12,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		13,691
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		8,809
SL cổ phiếu LH		60,376,746
KLGD BQ 20 phiên (CP)		15,015
% sở hữu nước ngoài		1.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		743
P/E		15.5
EPS		792

	YTD	1T	3T	6T
KHP	-3.0%	-3.9%	-4.7%	1.2%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,161	2,260	-4.4%
Tài sản ngắn hạn	944	1,031	-8.4%
Tiền và tương đương tiền	8.88	113	-92.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	350	370	-5.4%
Phải thu ngắn hạn	525	459	14.4%
Hàng tồn kho	31.2	41.8	-25.5%
Tài sản ngắn hạn khác	29.2	48.2	-39.3%
Tài sản dài hạn	1,217	1,229	-1.0%
Phải thu dài hạn	0.10	1.60	-93.7%
Tài sản cố định	1,045	1,104	-5.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	74.5	25.7	190%
Đầu tư tài chính dài hạn	30.4	30.4	0.0%
Tài sản dài hạn khác	66.6	67.8	-1.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,469	1,557	-5.7%
Nợ ngắn hạn	795	873	-9.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	143	234	-39.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	356	465	-23.4%
Nợ dài hạn	674	684	-1.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	610	633	-3.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	692	703	-1.7%
Vốn chủ sở hữu	692	703	-1.7%
Vốn điều lệ	604	604	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	1,684	1,508	2,128	2,307	1,798
Giá vốn hàng bán	1,729	1,508	2,023	2,095	1,858
Lợi nhuận gộp	-45.0	0.10	105	212	-59.9
Doanh thu HĐTC	9.25	5.30	4.92	2.04	7.24
Chi phí TC	18.2	9.78	17.7	9.40	16.4
Chi phí lãi vay	18.2	9.78	16.7	9.35	16.3
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	7.36	12.9	19.9	24.9	18.7
Chi phí QLDN	24.2	12.7	26.3	41.1	16.1
LN thuần từ HĐKD	-85.6	-30.0	45.9	139	-104
Lợi nhuận khác	17.4	0.11	-0.22	0.36	9.02
LN trước thuế	-68.2	-29.9	45.6	139	-94.8
Lợi nhuận sau thuế	-53.1	-29.9	42.4	111	-76.1
LNST của CĐ cty mẹ	-53.1	-29.9	42.4	111	-76.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	27.1	-43.6	200	6.22	68.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	3.36	-36.0	-42.3	32.4	-143
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	51.3	-18.3	-147	-1.43	20.5
Tiền đầu kỳ	30.8	113	14.7	25.0	62.2
Lưu chuyển tiền thuần	81.7	-97.9	10.4	37.2	-53.3
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	113	14.7	25.0	62.2	8.88

(Nguồn: fireant.vn)